

Chế định hình phạt tử hình trong Luật hình sự Việt Nam và một số kiến nghị hoàn thiện

Trịnh Quốc Toàn*

*Khoa Luật, Đại học Quốc gia Hà Nội,
144 Xuân Thủy, Hà Nội, Việt Nam*

Nhận ngày 15 tháng 01 năm 2012

Tóm tắt. Từ việc nghiên cứu nhận thức chung hình phạt tử hình trong khoa học, phân tích những quy định về hình phạt tử hình từ khi pháp điển hóa Luật hình sự Việt Nam lần thứ nhất (năm 1985) đến nay, cũng như đánh giá thực tiễn áp dụng hình phạt tử hình, tác giả đã đưa ra một số kiến nghị tiếp tục hoàn thiện chế định hình phạt tử hình trong Luật hình sự Việt Nam.

1. Đặt vấn đề

Trong giai đoạn xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa (XHCN) và cải cách tư pháp ở nước ta hiện nay theo tinh thần Nghị quyết số 08/NQ-TW ngày 02/01/2002 của Bộ Chính trị “*Về một số nhiệm vụ trung tâm công tác tư pháp trong thời gian tới*”, Nghị quyết số 49/NQ-TW ngày 02/06/2005 của Bộ Chính trị “*Về Chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020*”, việc nghiên cứu hoàn thiện chế định hình phạt tử hình là cần thiết vì:

Về mặt khoa học, trong khoa học Luật hình sự Việt Nam, xung quanh hình phạt tử hình vẫn còn nhiều ý kiến trái ngược nhau xung quanh vấn đề: Liệu hình phạt tử hình có phải là biện pháp cưỡng chế nhà nước ngăn chặn có hiệu quả tình hình tội phạm không? Hình phạt tử hình có trái ngược với nguyên tắc khoan dung, nhân đạo của hoạt động tư pháp không? Nó có vi phạm vào quyền sống được ghi nhận trong

các điều ước quốc tế về quyền con người không? Và cuối cùng là câu hỏi: có cần thiết lập và duy trì hình phạt tử hình trong pháp Luật hình sự (PLHS) không? Đây là những vấn đề phức tạp, gây tranh cãi trong giới khoa học Luật hình sự Việt Nam và nước ngoài.

Về mặt thực tiễn, những năm gần đây tình hình tội phạm vẫn diễn biến phức tạp, chưa có chiều hướng giảm, trong đó các tội phạm giết người, trộm cắp tài sản, cướp tài sản, các tội phạm về ma túy, v.v... tăng hơn cùng kỳ năm trước.... Số lượng các vụ án hình sự được các tòa án thụ lý, giải quyết cũng tăng hơn so với cùng kỳ năm trước, trong đó có nhiều vụ án lớn. Hoạt động áp dụng PLHS nói chung và hình phạt nói riêng, trong đó có hình phạt tử hình của các tòa án trong giai đoạn hiện nay vẫn còn tồn tại những vấn đề bức xúc, còn có những trường hợp oan, sai.

Về mặt lập pháp, Bộ luật hình sự (BLHS) năm 1999 (ngày 29/6/2009, Chủ tịch nước đã ký Lệnh công bố Luật Sửa đổi, Bổ sung một số điều của BLHS, đã được Quốc hội nước Cộng hòa XHCN Việt Nam khóa XII, kỳ họp thứ năm thông qua ngày 19/6/2009) đã thu hẹp đáng kể

*ĐT: 84-4-37547512.

E-mail: quoctoan@vnu.edu.vn

các loại tội phạm và đối tượng bị áp dụng hình phạt tử hình, kỹ thuật lập pháp đã có những tiến bộ nhất định. Tuy nhiên, trong tiến trình dân chủ, tiến bộ chung của nhân loại, “xu hướng phổ biến trên thế giới trong những thập kỷ gần đây là tiến tới xóa bỏ hình phạt tử hình. Đối với những quốc gia còn duy trì hình phạt tử hình, có xu hướng giảm mức độ áp dụng hình phạt tử hình, thay đổi các phương pháp thi hành án và cải tiến các thủ tục tố tụng để việc áp dụng hình phạt này mang tính nhân đạo hơn cũng như tăng cường việc bảo đảm các quyền tố tụng công bằng cho tử tù, trong đó bao gồm xóa bỏ hình thức kết án tử hình có tính chất bắt buộc”. Vì thế các nhà lập pháp Việt Nam cũng cần phải xem xét tiếp tục sửa đổi, bổ sung hoàn thiện chế định hình phạt tử hình trong PLHS của mình.

Ngoài ra, trong bối cảnh toàn cầu hóa, khi mà hệ thống chính trị, kinh tế và kể cả văn hóa của các nước, các dân tộc luôn có xu hướng xích lại gần nhau thì mỗi hệ thống pháp luật không thể tồn tại một cách xa lạ nhau, khác biệt nhau, thậm chí đối lập nhau. Việt Nam đang trong quá trình đổi mới mọi mặt của đời sống chính trị, kinh tế - xã hội, đẩy mạnh tiến trình hội nhập quốc tế. Vì vậy, nghiên cứu PLHS Việt Nam quy định hình phạt tử hình trước hết góp phần làm hài hòa hóa hệ thống pháp luật trong nước với các tiêu chuẩn về vấn đề này trong pháp luật, tập quán quốc tế.

Như vậy, với tất cả những điều đã phân tích trên đây không chỉ cho phép khẳng định ý nghĩa khoa học - thực tiễn của việc lý giải và làm sáng tỏ về mặt lý luận xung quanh những vấn đề về hình phạt tử hình, mà còn là lý do luận chứng cho sự cần thiết của việc tiếp tục nghiên cứu hoàn thiện chế định này với tư cách là một trong những chế định quan trọng của luật hình sự Việt Nam.

2. Nhận thức chung về hình phạt tử hình

Tử hình là một loại hình phạt truyền thống, có từ lâu đời. Thuật ngữ hình phạt tử hình có tên tiếng anh là “*death penalty*” hay là “*capital punishment*”. Capital có nguồn gốc từ tiếng

Latinh là *capitalis*, trong đó có gốc của từ *kaput*, có nghĩa là đầu. “*Capital punishment*” có nghĩa là hình phạt mà khi áp dụng, người bị áp dụng sẽ bị mất đầu, tức là tước bỏ quyền sống của một người. Trong tiếng pháp hình phạt này có tên “*Peine de mort*” hay còn gọi là “*Peine capitale*”; trong tiếng Đức nó có tên gọi là “*Todesstrafe*”.

Trong PLHS Việt Nam, tử hình là loại hình phạt đặc biệt, và nghiêm khắc nhất trong hệ thống hình phạt, tước đi quyền sống của người bị kết án và chỉ được áp dụng đối với người phạm tội có tính chất nguy hiểm đặc biệt cao cho xã hội. Hình phạt tử hình được quy định trong luật hình sự (LHS) và do Tòa án quyết định.

Hình phạt tử hình là một hiện tượng xã hội mang tính khách quan. Nó là phương tiện để bảo vệ mình của xã hội chống lại sự vi phạm các điều kiện tồn tại của nó. Tội phạm đe dọa sự tồn tại của xã hội nên xã hội phải phản ứng một cách tự nhiên là trừng trị người phạm tội. Hình phạt tử hình còn mang tính lịch sử, tính giai cấp. Sự tồn tại và phát triển của nó gắn liền với sự phát triển của lịch sử loài người. Nó là sản phẩm của xã hội phát triển đến một giai đoạn nhất định mà ở đó xuất hiện nhà nước và pháp luật. Nó là công cụ mà Nhà nước sử dụng để bảo vệ và củng cố địa vị thống trị của mình.

Là một loại hình phạt, nên hình phạt tử hình cũng như các hình phạt khác trong hệ thống hình phạt, có những đặc điểm chung, như: là một biện pháp cưỡng chế của nhà nước; được quy định trong luật hình sự; được tòa án áp dụng theo một trình tự tố tụng chặt chẽ, công bằng đối với người bị kết án. Tuy nhiên, với tư cách là một hình phạt đặc biệt, hình phạt tử hình có những đặc điểm riêng, đó là: *Thứ nhất*, tử hình là một loại hình phạt nghiêm khắc nhất trong hệ thống hình phạt, nó tước đi quyền sống của người bị kết án, vì thế nó chỉ được quy định áp dụng đối với người phạm tội đặc biệt nghiêm trọng; *Thứ hai*, hình phạt tử hình có mục đích phòng ngừa tái phạm tội mới một cách triệt để từ phía người bị kết án. Hình phạt này không có mục đích cải tạo, giáo dục người bị kết án, như

vậy nó tước bỏ cơ hội tái hòa nhập và phục thiện của họ; *Thứ ba*, hình phạt tử hình đồng thời có khả năng đặt được nhiều hiệu quả cao trong phòng ngừa chung; *Thứ tư*, hình phạt tử hình có tính chất không thay đổi, nó tước đi khả năng khắc phục sai lầm tư pháp.

3. Những quy định về hình phạt tử hình từ khi pháp điển hóa luật hình sự Việt Nam lần thứ nhất (năm 1985) đến nay

1) Hình phạt tử hình trong BLHS năm 1985

BLHS năm 1985 đã kế thừa và phát triển những kinh nghiệm lập pháp hình sự trong những thời kỳ trước đó, nhất là từ sau Cách mạng tháng Tám năm 1945 liên quan đến chế định hình phạt tử hình. Trong BLHS này, điều kiện, phạm vi, đối tượng áp dụng hình phạt tử hình được quy định rõ tại Điều 27. Tử hình là hình phạt đặc biệt chỉ được áp dụng đối với người phạm tội trong trường hợp đặc biệt nghiêm trọng. Không áp dụng hình phạt này với người chưa thành niên phạm tội, đối với phụ nữ có thai khi phạm tội hoặc khi bị xét xử. Tử hình được hoãn thi hành đối với phụ nữ có thai, phụ nữ nuôi con dưới 12 tháng tuổi.

Trong Phần các tội phạm BLHS năm 1985, hình phạt tử hình được quy định trong 29 điều luật, chiếm 14,89% trên tổng số 195 điều luật về tội phạm (xem Phụ lục 1). Ngày 28/12/1989, Luật Sửa đổi, Bổ sung một số điều của BLHS năm 1985 đã quy định thêm 4 hành vi phạm tội về ma túy trong Điều 96a, có mức hình phạt cao nhất là tử hình. Ngày 12/8/1991, Luật Sửa đổi, Bổ sung một số điều của BLHS năm 1985 đã quy định hình phạt tử hình đối với các tội: Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản XHCN (Điều 134); tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản riêng công dân (Điều 157); tội nhận hối lộ (Điều 226). Luật Sửa đổi, Bổ sung một số điều của BLHS năm 1985 ngày 22/12/1992 đã quy định hình phạt tử hình đối với tội buôn lậu hoặc vận chuyển trái phép hàng hóa, tiền tệ qua biên giới (Điều 97). Luật Sửa đổi, Bổ sung một số điều của BLHS năm 1985 ngày 10/5/1997 đã bổ sung thêm 06 điều luật quy định các tội: Tội lợi dụng chức vụ,

quyền hạn lừa đảo chiếm đoạt tài sản XHCN (Điều 134a); tội lạm dụng chức vụ, quyền hạn lừa đảo chiếm đoạt tài sản riêng công dân (Điều 185e); tội cưỡng bức, lôi kéo người khác sử dụng trái phép chất ma túy (Điều 185m) vào danh mục các tội phải chịu hình phạt cao nhất là tử hình. Đồng thời nhà làm luật cũng tách Điều 96a ra thành 4 điều luật mới (Các điều 185b, 185c, 185d, 185đ) và giữ nguyên hình phạt tử hình đối với các tội này. Điều 112 quy định tội hiếp dâm cũng được tách ra thành hai tội: Tội hiếp dâm và tội hiếp dâm trẻ em (Điều 112a) và cũng vẫn giữ nguyên hình phạt tử hình đối với các tội này.

Như vậy, BLHS năm 1985 [1], sau 4 lần sửa đổi, bổ sung đã quy định hình phạt tử hình trong 44 điều luật về tội phạm, chiếm tỷ lệ 20,37% trên tổng số 216 điều luật về tội phạm (xem phụ lục 1)

2) Hình phạt tử hình trong BLHS năm 1999

Nếu như trong những lần sửa đổi, bổ sung BLHS năm 1985, đường lối xử lý nghiêm khắc hơn đã được thể hiện bằng việc tăng cường hình phạt tử hình trong thực tiễn pháp luật, thì BLHS năm 1999 đã có sự mềm hóa (phi hình sự hóa), bằng việc quy định thu hẹp và xác định rõ ràng phạm vi và điều kiện áp dụng hình phạt này [2]. Thể hiện cụ thể như sau:

* Phần chung của BLHS năm 1999:

Theo Điều 35 và Điều 52 BLHS năm 1999, quy định về hình phạt tử hình có những nội dung mới như sau:

Thứ nhất, hình phạt tử hình được coi là một loại hình phạt đặc biệt chỉ được áp dụng đối với người phạm tội đặc biệt nghiêm trọng, trong khi Điều 27 BLHS năm 1985 quy định áp dụng hình phạt này đối với “người phạm tội trong trường hợp đặc biệt nghiêm trọng”;

Thứ hai, ngoài hai đối tượng đã được BLHS năm 1985 quy định không áp dụng hình phạt tử hình: người chưa thành niên phạm tội và phụ nữ có thai khi phạm tội hoặc khi bị xét xử, BLHS năm 1999 đã quy định bổ sung là không áp dụng hình phạt này đối với các đối tượng là phụ nữ đang nuôi con (bao gồm cả con nuôi) dưới 36 tháng tuổi khi phạm tội hoặc khi bị xét xử.

Thứ ba, trong khi BLHS năm 1985 quy định đối với phụ nữ có thai, phụ nữ đang nuôi con dưới 12 tháng tuổi chỉ được hoãn thi hành phạt tù hình, thì BLHS năm 1999 quy định không thi hành hình phạt tù hình đối với phụ nữ có thai, phụ nữ đang nuôi con dưới 36 tháng tuổi và hình phạt tù hình được chuyển thành tù chung thân.

Thứ tư, BLHS năm 1999 quy định không áp dụng hình phạt đối với người phạm tội trong giai đoạn chuẩn bị phạm tội. Đối với người phạm tội chưa đạt, chỉ có thể áp dụng hình phạt này trong trường hợp đặc biệt nghiêm trọng, BLHS năm 1985 không có quy định này.

Thứ năm, BLHS năm 1999 quy định mới là trong trường hợp người bị kết án tử hình được ân giảm, thì hình phạt tử hình chuyển thành tù chung thân.

Thứ sáu, BLHS năm 1999 bỏ quy định “Chỉ trong trường hợp đặc biệt có luật quy định riêng hình phạt tử hình được thi hành ngay sau khi tuyên”.

** Phần các tội phạm BLHS năm 1999:*

Như trên đã trình bày, BLHS năm 1985, sau 4 lần sửa đổi, bổ sung đã quy định hình phạt tử hình trong 44 điều luật về tội phạm, chiếm tỷ lệ 20,37% trên tổng số 216 điều luật về tội phạm. Nhưng đến khi tiến hành pháp điển hóa lần hai LHS Việt Nam với việc ban hành BLHS năm 1999, hình phạt tử hình hình chỉ còn được quy định trong 29 điều luật về tội phạm, chiếm tỉ lệ gần 11% trên tổng số 264 điều luật về tội phạm, giảm 15 điều luật về tội phạm so với BLHS năm 1985. Theo BLHS năm 1999, hình phạt tử hình không còn được áp dụng đối với các tội phạm sau: Tội xâm phạm an ninh lãnh thổ (Điều 81); tội chống phá trại giam (Điều 90); tội trộm cắp tài sản (Điều 138); tội hủy hoại hoặc cố ý làm hư hỏng tài sản (Điều 143); tội vận chuyển trái phép hàng hóa, tiền tệ qua biên giới (Điều 154); tội buôn bán hàng giả không phải là lương thực, thực phẩm, thuốc chữa bệnh, phòng bệnh (Điều 156 và 158); tội cưỡng bức, lôi kéo người khác sử dụng trái phép chất ma túy (Điều 200); tội chế tạo, tàng

trữ, sử dụng, mua bán trái phép hoặc chiếm đoạt vũ khí quân dụng, phương tiện kỹ thuật quân sự (Điều 230); tội lạm dụng chức vụ, quyền hạn chiếm đoạt tài sản của công dân (Điều 280); tội bỏ vị trí chiến đấu (Điều 324).

3) Hình phạt tử hình theo Luật Sửa đổi, Bổ sung một số điều của BLHS năm 2009 được Quốc hội khóa XII số 37/2009/QH12 thông qua ngày 19/6/2009

Theo Luật này, BLHS năm 1999 đã được sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số điều quy định về hình phạt tử hình [3], cụ thể như sau: Bỏ hình phạt tử hình đối với các tội phạm: Hiếp dâm (Điều 111); tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản (Điều 139); tội buôn lậu (Điều 153); tội làm, tàng trữ, vận chuyển, lưu hành tiền giả, ngân phiếu giả, công trái giả (Điều 180); tội tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy (Điều 197); tội chiếm đoạt máy bay, tàu thủy (Điều 221); tội đưa hối lộ (Điều 289); tội hủy hoại vũ khí quân dụng, phương tiện kỹ thuật quân sự (Điều 334). Đối với các tội phạm này hình phạt nghiêm khắc nhất được áp dụng là hình phạt tù chung thân. Đồng thời, Luật Sửa đổi, Bổ sung BLHS năm 1999 bổ sung thêm tội khủng bố (Điều 230a) quy định hình phạt nặng nhất áp dụng với tội này là tử hình.

Như vậy, hình phạt tử hình trong BLHS năm 1999 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2009) chỉ còn quy định ở 22 điều luật về tội phạm, chiếm tỷ lệ hơn 8% điều luật về tội phạm.

4. Thực tiễn áp dụng hình phạt tử hình

Theo số liệu thống kê thu thập được trong 15 năm (trừ các năm 2003 và 2004 không có số liệu thống kê), tổng số bị cáo bị các tòa án các cấp xét xử sơ thẩm bị tuyên phạt tử hình là 2600 bị cáo [4].

Phân tích tình hình xét xử sơ thẩm áp dụng hình phạt tử hình trong 8 năm áp dụng BLHS năm 1985, từ năm 1993 đến 2000⁽¹⁾ cho thấy,

⁽¹⁾ Theo Báo cáo công tác ngành Tòa án năm 2002 và phương hướng nhiệm vụ công tác Tòa án năm 2003 của

các tòa án các cấp đã áp dụng hình phạt tử hình đối với 1179 bị cáo. Số bị cáo bị tử hình có xu hướng tăng nhanh trong 8 năm, trong đó tăng mạnh nhất là từ năm 1997, kể từ khi áp dụng Luật Sửa đổi, Bổ sung một số điều của BHS năm 1997. Nếu lấy tổng số bị cáo bị tử hình năm 1993 là 100%, thì số bị cáo bị tử hình năm 1997 là 170,5% và đến năm 2000 đã tăng lên đến 218,9%. Nguyên nhân của hiện tượng này: *thứ nhất là*, Luật Sửa đổi, Bổ sung một số điều của BLHS năm 1997 đã bổ sung thêm 6 điều luật quy định hình phạt tử hình: *thứ hai là*, các tội phạm đặc biệt nghiêm trọng mà điều luật về tội phạm đó có quy định hình phạt tử hình cũng tăng mạnh, đặc biệt là các tội phạm về ma túy, gây ra những hậu quả tác hại rất lớn cho lợi ích của Nhà nước, xã hội và công dân.

Về cơ cấu tội phạm mà các bị cáo bị phạt tử hình thực hiện, phân tích cho thấy trong tổng số 44 điều luật về tội phạm có quy định hình phạt tử hình thì trong thực tiễn xét xử chỉ 15 loại tội phạm sau được thực hiện, đó là Tội khủng bố; tội giết người; tội hiếp dâm; tội hiếp dâm trẻ em; tội cướp tài sản của công dân; tội cướp tài sản của công dân; tội trộm cắp tài sản XHCN; tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản XHCN; tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản công dân; tội tham ô tài sản XHCN; tội buôn lậu; tội buôn bán hàng giả; tội lưu hành tiền giả; tội chế tạo vũ khí quân dụng; tội phá hủy công trình, phương tiện quan trọng về an ninh quốc gia; tội tàng trữ, vận chuyển, mua bán trái phép chất ma túy. Trong đó, những trường hợp bị cáo bị áp dụng hình phạt tử hình nhiều nhất là Tội giết người, có 789 bị cáo, chiếm 66,9% trên tổng số 1179 bị cáo bị phạt tử hình; Tội tàng trữ, vận chuyển, mua bán trái phép chất ma túy, có 270 bị cáo, chiếm 22,9%; tội cướp tài sản XHCN có 29 bị cáo, chiếm 2,46%; tội hiếp dâm trẻ em có 20 bị cáo, chiếm 1,69%; tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản XHCN có 18 bị cáo, chiếm 1,53%; tội tham

ô tài sản có 14 bị cáo, chiếm 1,19% và tội hiếp dâm trẻ em có 12 bị cáo, chiếm % trên 1%. Còn các trường hợp bị cáo phạm các tội khác mà bị xử phạt tử hình chỉ chiếm tỷ lệ nhỏ, dưới 1%. Có loại tội phạm trong 8 năm (1993-2000) chỉ có một bị cáo phạm tội bị phạt tử hình như: Tội trộm cắp tài sản XHCN; tội buôn bán hàng giả; tội phá hủy công trình, phương tiện quan trọng về an ninh quốc gia.

Phân tích tình hình xét xử sơ thẩm áp dụng hình phạt tử hình trong 8 năm áp dụng BLHS năm 1999, từ năm 2001 đến 2010 cho thấy [5], Tòa án các cấp đã áp dụng hình phạt tử hình đối với 1421 bị cáo. Trong tổng số 29 điều luật về tội phạm có quy định hình phạt tử hình, thì trong thực tiễn xét xử chỉ có 13 loại tội phạm được thực hiện mà bị cáo bị phạt tử hình, đó là các tội: Tội giết người; tội hiếp dâm; tội hiếp dâm trẻ em; tội cướp tài sản; tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản; tội tham ô tài sản XHCN; tội buôn lậu; tội buôn bán hàng giả; tội làm, tàng trữ và lưu hành tiền giả; tội làm, tàng trữ và lưu hành séc giả; tội phá hủy công trình, phương tiện quan trọng về an ninh quốc gia; tội sản xuất trái phép chất ma túy; tội tàng trữ, vận chuyển, mua bán trái phép chất ma túy; tội tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy.

Trong đó các tội phạm giết người, tàng trữ, vận chuyển, mua bán trái phép, chiếm đoạt chất ma túy, tội hiếp dâm trẻ em là những loại tội phạm xảy ra nhiều và cũng là loại tội phạm bị áp dụng hình phạt tử hình nhiều nhất. Thống kê cho thấy tổng số bị cáo phạm tội giết người bị tử hình là 789 bị cáo, chiếm 55,5% trên tổng số 1421 bị cáo bị tử hình trong 8 năm (2001-2010); Tổng số bị cáo phạm tội tàng trữ, vận chuyển, mua bán trái phép, chiếm đoạt chất ma túy là 569 bị cáo, chiếm 40,04%; Phạm tội hiếp dâm trẻ em có 25 bị cáo bị tử hình, chiếm 1,76%; phạm tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản có 16 bị cáo bị tử hình, chiếm 1,12%. Còn đối với các trường hợp phạm các tội phạm khác, hình phạt tử hình áp dụng rất hạn chế.

Nghiên cứu thực tiễn tình hình áp dụng hình phạt tử hình theo quy định của BLHS năm 1999 cho thấy, trong 8 năm từ 2001 đến 2010, hình phạt tử hình được áp dụng trong các năm tăng

TANDTC, BLHS năm 1999 có hiệu lực pháp luật ngày 01/7/2000. Số vụ án hình sự xảy ra trước ngày 1/7/2000 hầu như đã được giải quyết trong năm 2000. Các vụ án hình sự được giải quyết trong năm 2001 chủ yếu là các vụ án xảy ra sau ngày 1/7/2000, có nghĩa là các Tòa án các cấp đều áp dụng BLHS năm 1999 để giải quyết.

giảm thất thường, nhưng nhìn chung vẫn còn cao và nếu so với những năm áp dụng hình phạt tử hình theo BLHS năm 1985 thì có thể nói là tăng rất mạnh. Nhận định này được lý giải ở hai khía cạnh, *Thứ nhất là ở thực tiễn pháp luật*, BLHS năm 1985 quy định hình phạt tử hình ở 44 điều luật về tội phạm trong khi đó BLHS năm 1999 chỉ quy định hình phạt này ở 29 điều luật (đã xóa bỏ hình phạt tử hình trong 15 điều luật về tội phạm); *Thứ hai là ở thực tiễn áp dụng*, mặc dù hình phạt tử hình được xóa bỏ đối với nhiều tội phạm như vậy, nhưng theo thống kê xét xử cho thấy, 8 năm (1993-2000) áp dụng BLHS năm 1985 có tổng số 1179 bị cáo bị áp dụng hình phạt tử hình (100%) thì hình phạt này được các Tòa án sơ thẩm tuyên đối với các bị cáo trong 8 năm (2001-2010) áp dụng BLHS năm 1999 là 1421 bị cáo chiếm 120,5%. Điều này có thể lý giải ở thực trạng tội phạm trong các năm qua diễn biến phức tạp, các loại tội phạm đặc biệt nguy hiểm, có tổ chức, xuyên quốc gia có chiều hướng tăng mạnh... Vì vậy, cần phải áp dụng chính sách xử lý cứng rắn, trừng trị nghiêm khắc với các loại tội phạm này, không loại trừ cả việc áp dụng hình phạt nghiêm khắc nhất là loại bỏ người phạm tội vĩnh viễn khỏi cuộc sống xã hội.

Tóm lại, trên cơ sở phân tích tình hình áp dụng hình phạt tử hình trong 16 năm từ năm 1993 đến 2010 có thể rút ra một số nhận định sau:

- Nhìn chung, hình phạt tử hình được áp dụng có xu hướng tăng mạnh, nhất là kể từ khi áp dụng BLHS năm 1999;

- Hình phạt tử hình áp dụng chủ yếu đối với các tội phạm giết người, tàng trữ, vận chuyển, mua bán các chất ma túy; hiếp dâm trẻ em, lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Trong số 2600 bị cáo bị kết án tử hình, số bị cáo phạm tội giết người là nhiều nhất, có 1578 người, chiếm tỷ lệ 60,69%; tiếp theo là số bị cáo phạm tội tàng trữ, mua bán trái phép chất ma túy, có 839 người, chiếm 32,27%; còn lại là các trường hợp các bị cáo bị phạm các tội khác như: Tội hiếp dâm trẻ em, tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản; tội cướp tài sản; tội tham ô tài sản... mỗi loại tội phạm này chỉ chiếm tỷ lệ trên dưới 2%;

- Đối với những tội phạm mặc dù hàng năm bị áp dụng hình phạt tử hình nhiều nhất, nhưng tình hình tội phạm đó trong thực tiễn vẫn có xu hướng tăng nhanh, ví dụ như:

Về tội giết người, năm 2005, Tòa án các cấp xét xử sơ thẩm 1286 vụ án với 2231 bị cáo, trong đó có 120 trường hợp bị tử hình. Năm 2010, Tòa án các cấp xét xử sơ thẩm số vụ án và bị cáo về tội này đều tăng, cụ thể có 1291 vụ án (100,4%) với 2487 bị cáo (111,5%), tử hình 108 người.

Về tội phạm ma túy, năm 2005 Tòa án các cấp xét xử sơ thẩm 8823 vụ án với 11698 bị cáo, trong đó tuyên phạt tử hình 80 bị cáo. Đến năm 2010, số vụ án và bị cáo phạm tội về ma túy bị Tòa án các cấp xét xử sơ thẩm so với năm 2005 tăng lên 11234 vụ án (127%) với 14157 bị cáo (121%), có 67 bị cáo bị phạt tử hình;

- Phân tích danh sách các tội phạm bị các Tòa án áp dụng hình phạt tử hình với danh mục các điều luật có quy định hình phạt tử hình (Phụ lục 1 và 2), cho thấy, những trường hợp phạm các tội sau đây trong thực tiễn không bị áp dụng hình phạt tử hình: các tội xâm phạm an ninh quốc gia (tội phản bội tổ quốc; tội hoạt động nhằm lật đổ chính quyền nhân dân; tội bạo loạn; tội hoạt động phi; tội phá hoại cơ sở vật chất của Nhà nước Cộng hòa XHCN Việt Nam); tội tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy; tội chiếm đoạt tàu bay, tàu thủy; tội chống mệnh lệnh; tội hủy hoại vũ khí quân dụng, phương tiện kỹ thuật quân sự; các tội phạm quốc tế.

Thực tiễn xét xử hình sự là một phần của cấu trúc chung của PLHS, vì nó là sự thể hiện các quy định của PLHS trong thực tiễn hay nói cách khác, thực tiễn áp dụng PLHS là hình thức sống của quy phạm pháp luật hình sự. Tính hợp lý và hiệu quả của quy phạm PLHS (trong đó có cả hình phạt) được kiểm chứng và đánh giá qua thực tiễn xét xử. Các yếu tố thuộc về xây dựng hệ thống hình phạt nói chung và hình phạt tử hình nói riêng chỉ có nghĩa thực tiễn khi hình phạt được quyết định đúng và bảo đảm tốt việc chấp hành hình phạt. Chính vì thế, thực tiễn xét

xử áp dụng hình phạt tử hình nêu trên là cơ sở đánh giá một cách toàn diện những ưu điểm cũng như tồn tại, hạn chế của các quy định về hình phạt tử hình trong PLHS nước ta để từ đó đề xuất những kiến nghị khả thi nhằm hoàn thiện chế định này.

5. Một số kiến nghị tiếp tục hoàn thiện chế định hình phạt tử hình trong luật hình sự Việt Nam

Tử hình là hình phạt nghiêm khắc nhất trong hệ thống hình phạt của Nhà nước, tước đi quyền quan trọng và thiêng liêng nhất của con người, đó là quyền sống.

Xuất phát từ quan điểm hình phạt tử hình, cho dù thể thức thi hành nó trong thực tế như thế nào cũng là một hình phạt dã man, phi luân lý, vô ích, không có tác dụng răn đe người phạm tội, việc duy trì hình phạt này không có tác dụng làm giảm tội phạm, kể cả các tội đặc biệt nghiêm trọng (bởi vì tình trạng phạm tội đã không tăng lên trong các nước sau khi đã bị xóa bỏ loại hình phạt này), không sửa chữa được trong trường hợp có sai lầm về tư pháp, nên nhiều quốc gia đã và đang nghiên cứu loại bỏ hình phạt này và thay thế bằng các hình phạt khác. Cho đến nay có rất nhiều nước (trong đó có toàn bộ các nước thuộc Cộng đồng chung Châu Âu) đã loại bỏ hình phạt này đối với không chỉ các tội phạm theo luật chung mà còn với cả các tội phạm chính trị, quân sự và tội phạm quốc tế. Mặc dù vậy, loại hình phạt này vẫn còn được duy trì trong PLHS của nhiều nước, trong đó có nhiều tiểu bang ở Hợp chúng quốc Hoa Kỳ.

Chúng tôi cho rằng, việc áp dụng hình phạt này cần phải căn cứ vào đặc điểm và điều kiện cụ thể của mỗi nước. Ở Việt Nam, tử hình vẫn được coi là hình phạt cần thiết và cần phải có nhằm trừng trị những người phạm tội đặc biệt nghiêm trọng để giữ nghiêm kỷ cương phép nước, bảo đảm cho an ninh và trật tự an toàn xã hội, tức là loại hình phạt này vẫn có tác dụng tốt trong việc ngăn ngừa tội phạm và bảo vệ hữu hiệu lợi ích công cộng. Việc áp dụng đúng đắn

hình phạt tử hình được dư luận cộng đồng đồng tình ủng hộ.

Tuy nhiên, xuất phát từ tình hình phát triển kinh tế-xã hội và quá trình hội nhập quốc tế, đồng thời với yêu cầu cải cách tư pháp, xây dựng và hoàn thiện nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam hiện nay, đòi hỏi cấp thiết là phải tiếp tục hoàn thiện PLHS với việc bảo đảm các quyền con người, nhân đạo hóa các biện pháp trừng trị hình sự, phù hợp với điều kiện phát triển và đạo đức của người Việt Nam. Nghị quyết số 08/NQ-TW ngày 02/01/2002 của Bộ Chính trị "*Về một số nhiệm vụ trung tâm công tác tư pháp trong thời gian tới*" đã quán triệt: Các bộ, ngành có liên quan cần xem xét hai vấn đề lớn là hình thức thi hành án tử hình và hạn chế số lượng hình phạt tử hình trong cơ cấu hình phạt của BLHS". Nghị quyết số 49/NQ-TW ngày 02/06/2005 của Bộ Chính trị "*Về Chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020*" cũng tiếp tục nhấn mạnh quan điểm trên về hình phạt tử hình.

Xuất phát từ yêu cầu của thực tiễn khách quan và trên cơ sở quán triệt đường lối chính sách hình sự của Đảng Cộng sản Việt Nam trong các nghị quyết nêu trên, Chính phủ đã trình Dự thảo Luật Sửa đổi, Bổ sung một số điều luật của BLHS năm 1999 tại kỳ họp thứ 4, Quốc hội khóa XII. Dự thảo này đã đề nghị chỉ giữ lại 12 điều luật quy định về tội phạm và hình phạt trước đây có quy định hình phạt cao nhất áp dụng đối với tội phạm đó là tử hình, nay chuyển xuống thành chung thân. Tuy vậy, như chúng ta đã biết, mặc dù Luật Sửa đổi, Bổ sung một số điều của BLHS năm 2009 được Quốc hội khóa XII số 37/2009/QH12 thông qua ngày 19/6/2009 đã loại bỏ hình phạt tử hình áp dụng với một số tội phạm, nhưng vẫn duy trì hình phạt này đối với các tội phạm được quy định trong 22 điều luật về tội phạm.

Trên cơ sở những luận điểm về sự cần thiết nghiên cứu, sửa đổi, bổ sung và hoàn thiện chế định hình phạt tử hình như phần đầu của bài này đã trình bày, cũng như căn cứ vào thực tiễn pháp luật và thực tiễn áp dụng hình phạt này, chúng tôi cho rằng Luật Sửa đổi, Bổ sung một số điều của BLHS năm 1999 được Quốc hội

Khóa XII thông qua và có hiệu lực thi hành từ 01/01/2010, liên quan đến chế định hình phạt tù hình, vẫn còn có những tồn tại, hạn chế nhất định, cần tiếp tục hoàn thiện:

Thứ nhất, chúng tôi cho rằng vẫn cần thiết duy trì hình phạt tù hình trong LHS nước ta, nhưng nên cân nhắc tiếp tục loại bỏ hình phạt này đối với một số tội phạm khác, trong đó bao gồm cả những tội phạm mà trong thực tiễn xét xử từ 1993 đến 2010 đã không bị áp dụng hình phạt tù hình (đã xóa bỏ trong thực tiễn áp dụng), đó là: Tội phá hoại cơ sở vật chất của Nhà nước Cộng hòa XHCN Việt Nam (Điều 85); tội cướp tài sản (Điều 133); tội làm hàng giả, tội buôn bán hàng giả là lương thực, thực phẩm, thuốc chữa bệnh, thuốc phòng bệnh (Điều 157); tội sản xuất trái phép chất ma túy (Điều 193); Tội chiếm đoạt trái phép chất ma túy (Đ.194); tội phá hủy công trình, phương tiện quan trọng về an ninh quốc gia (Điều 231).

Thứ hai, chúng ta đều biết, các chế định trong PLHS không tách rời nhau, luôn tồn tại trong một chỉnh thể thống nhất, tác động qua lại và bổ sung cho nhau. Điều này tất yếu dẫn tới việc sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện các quy định về hình phạt tù hình trong PLHS phải đảm bảo tính toàn diện, đồng bộ, thống nhất. Nếu chỉ nhấn mạnh đến việc điều chỉnh một mặt nào đó của chế định này sẽ làm giảm đi hiệu lực và hiệu quả của nó. Đồng thời việc sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện các chế định của PLHS, trong đó có chế định hình phạt tù hình cũng phải tiến hành hoàn thiện đồng bộ, thống nhất các pháp luật khác trong hệ thống pháp luật về đấu tranh phòng, chống tội phạm của nước ta. Đồng thời, hoàn thiện chế định hình phạt “cần phải được thực hiện thường xuyên, kịp thời nhưng phải có tính đồng bộ. Khi có đòi hỏi phải sửa đổi, bổ sung một vấn đề cần phải cân nhắc hướng sửa đổi, bổ sung không tạo ra sự bất hợp lý mới”.

Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của BLHS khi loại bỏ hình phạt tù hình đối với tội phạm nào đó lại chưa tính đến các biện pháp cưỡng chế để thay thế, để đảm bảo phòng ngừa triệt để sau này. Theo chúng tôi có hai phương án: 1) Khi loại bỏ hình phạt tù hình với một loại tội nào đó, nhà làm luật nên nghiên cứu thay thế

bằng hình phạt khác, thông thường đó là hình phạt tù chung thân không được giảm án, chứ không phải là hình phạt tù chung thân thông thường; 2) Nếu coi quy định như vậy là trái với chính sách nhân đạo hóa LHS, có nghĩa là vẫn cho người bị kết án chung thân về loại tội phạm đó được hưởng các chế định giảm thời hạn chấp hành hình phạt hoặc đặc xá thì cần quy định “thời kỳ an toàn”, hoặc phóng thích có điều kiện (như một số nước đang áp dụng), tức là khi áp dụng những biện pháp trên đối với người bị kết án, thì họ buộc phải thực hiện những điều kiện (nghĩa vụ) trong một khoảng thời gian nhất định dưới sự giám sát và trợ giúp của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền, nhằm tạo thuận lợi cho họ cải tạo và tái hòa nhập xã hội.

Thứ ba, một vấn đề nữa khi quy định cũng như khi xóa bỏ một loại hình phạt nói chung và hình phạt tù hình nói riêng đối với một loại tội phạm nào đó thì cũng phải đảm bảo tính đồng bộ và thống nhất chứ không được làm có tính chất cục bộ. Đảm bảo sự thống nhất và đồng bộ này không chỉ liên quan đến hình phạt chính mà bao hàm cả hình phạt bổ sung. Liên quan đến việc quy định hình phạt bổ sung, chúng tôi nhận thấy Luật Sửa đổi, Bổ sung vẫn có sự tồn tại bất hợp lý, ví dụ: Theo quan niệm của nhà làm Luật Sửa đổi, Bổ sung một số điều của BLHS năm 1999, tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của tội tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy (Điều 197) là ít nghiêm trọng hơn so với tội mua bán trái phép chất ma túy (Điều 194), nên đã quyết định xóa bỏ hình phạt tù hình với tội này. Thế nhưng, khi xóa bỏ hình phạt tù hình, nhà làm luật lại không chỉnh sửa lại chế tài hình phạt bổ sung của tội tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy nên dẫn đến tình trạng chế tài hình phạt bổ sung xác định tương đối và chế tài hình phạt bổ sung lựa chọn trong tội tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy lại có mức độ nghiêm khắc cao hơn rất nhiều so với tội mua bán trái phép chất ma túy được quy định tại Điều 194.

Thứ tư, hạn chế tiếp theo thể hiện rất rõ sự không đồng nhất, sự không toàn diện, sự không nhất quán trong Luật Sửa đổi, Bổ sung một số điều của BLHS năm 1999 là khi điều chỉnh chế định hình phạt tù hình trong các điều luật về tội

phạm ở Phần các tội phạm, lại không sửa đổi, bổ sung chế định này trong Phần chung của BLHS.

Theo chúng tôi, cần phải sửa đổi, hoàn thiện Điều 35 quy định về hình phạt tử hình. Điều luật này còn chưa đưa ra được định nghĩa pháp lý đầy đủ về khái niệm pháp lý của hình phạt tử hình, cũng như chưa quy định hoặc quy định chưa đầy đủ và rõ ràng về nội dung cưỡng chế, giới hạn (phạm vi) và điều kiện áp dụng hình phạt này; Về đối tượng áp dụng hình phạt tử hình, theo chúng tôi, còn có hạn chế chưa thể hiện được tận cùng của nguyên tắc nhân đạo trong LHS; BLHS nên quy định không áp dụng hình phạt này với cả người già từ 70 tuổi trở lên, người mắc bệnh hiểm nghèo nguy hiểm đến tính mạng. Đồng thời sửa đổi lại khoản 3 Điều 52 là “Đối với trường hợp phạm tội chưa đạt, nếu điều luật được áp dụng có quy định hình phạt cao nhất là tù chung thân hoặc tử hình, *thì chỉ có thể áp dụng các hình phạt chung thân trong trường hợp đặc biệt nghiêm trọng...*”, có nghĩa là không áp dụng hình phạt tử hình đối với người phạm tội chưa đạt.

Ngoài ra, chúng tôi cho rằng PLHS có mối quan hệ chặt chẽ với các ngành luật khác trong hệ thống pháp luật về đấu tranh phòng, chống tội phạm. Cho nên việc hoàn thiện PLHS nói chung và hoàn thiện chế định hình phạt tử hình nói riêng cần phải tiến hành đồng thời với việc cải cách hệ thống tư pháp hình sự và đổi mới một cách đồng bộ, thống nhất các chế định thuộc pháp luật tố tụng hình sự và pháp luật thi hành án hình sự của nước ta. Nếu không sẽ dẫn đến tình trạng để lại hoặc tạo ra những lỗ hổng, khoảng trống, không được pháp luật điều chỉnh, hoặc có sự chòng chéo, mâu thuẫn giữa các quy định của pháp luật, ảnh hưởng đến các yêu cầu của thực tiễn công tác đấu tranh phòng và chống tội phạm. Vì thế, bất cứ việc sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện nào liên quan đến chế định hình phạt tử hình cũng phải đi liền với việc nghiên cứu, rà soát, đối chiếu với các đạo luật có liên quan. Nói cách khác hệ thống các quy định về hình phạt tử hình phải được hoàn thiện đồng bộ với các pháp luật có liên quan, nhất là với pháp luật tố tụng hình sự, pháp luật thi hành án hình sự.

Phụ lục 1:

DANH MỤC CÁC ĐIỀU KHOẢN QUY ĐỊNH HÌNH PHẠT TỬ HÌNH TRONG BLHS NĂM 1985

STT	Điều, khoản	Tên tội danh
		Chương I: Các tội xâm phạm an ninh quốc gia
1	Đ. 72 k1	Tội phản bội tổ quốc
2	Đ. 73 k1	Tội hoạt động nhằm lật đổ chính quyền nhân dân
3	Đ. 74 k1	Tội gián điệp
4	Đ. 75 k1	Tội xâm phạm an ninh lãnh thổ
5	Đ. 76 k1	Tội bạo loạn
6	Đ. 77 k1	Tội hoạt động phi
7	Đ. 78 k1	Tội khủng bố
8	Đ. 79 k1	Tội phá hoại cơ sở vật chất của chủ nghĩa xã hội
9	Đ. 84 k1	Tội chống phá trại giam
10	Đ. 87 k1	Tội chiếm đoạt máy bay, tàu thủy
11	Đ. 94 k2	Tội phá hủy công trình, phương tiện quan trọng về an ninh quốc gia
12	Đ. 95 k3	Tội chế tạo, tàng trữ, sử dụng, mua bán trái phép hoặc chiếm đoạt vũ khí quân dụng, phương tiện kỹ thuật quân sự
13	Đ. 97 k3	Tội buôn lậu hoặc vận chuyển trái phép tiền tệ qua biên giới
14	Đ. 98 k2	Tội làm tiền giả, tội tàng trữ, lưu hành tiền giả, tội phá hủy tiền tệ
15		Chương II: Các tội xâm phạm tính mạng, sức khỏe, nhân phẩm, danh dự của con người
16	Đ. 101 k1	Tội giết người
17	Đ. 111 k4	Tội hiếp dâm

18	Đ. 112 k3, 4	Tội hiếp dâm trẻ em
19		Chương IV: Các tội xâm phạm sở hữu XHCN
20	Đ. 129 k2	Tội cướp tài sản XHCN
21	Đ. 132 k3	Tội trộm cắp tài sản XHCN
22	Đ. 133 k4	Tội tham ô tài sản XHCN
23	Đ. 134 k4	Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản XHCN
24	Đ. 134a k4	Tội lợi dụng chức vụ, quyền hạn lừa đảo chiếm đoạt tài sản XHCN
25	Đ. 138 k3	Tội hủy hoại hoặc cố ý làm hư hỏng tài sản XHCN
26		Chương VI: Các tội xâm phạm sở hữu của công dân
27	Đ. 151 k3	Tội cướp tài sản của công dân
28	Đ. 156 k4	Tội lạm dụng chức vụ, quyền hạn chiếm đoạt tài sản của công dân
29	Đ. 157 k3	Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản
30		Chương VII: Các tội phạm về kinh tế
31	Đ. 167 k3	Tội làm hàng giả, tội buôn bán hàng giả
32		Chương VIII: Các tội phạm về ma túy
33	Đ. 185b k4	Tội sản xuất trái phép chất ma túy
34	Đ. 185c k4	Tội tàng trữ trái phép chất ma túy
35	Đ. 185d k4	Tội vận chuyển trái phép chất ma túy
36	Đ. 185đ k4	Tội mua bán trái phép chất ma túy
37	Đ. 185e k4	Tội chiếm đoạt trái phép chất ma túy
38	Đ. 185i k4	Tội tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy
39	Đ. 185m k4	Tội cưỡng bức, lôi kéo người khác sử dụng trái phép chất ma túy
40		Chương IX: Các tội phạm về chức vụ
41	Đ. 226 k4	Tội nhận hối lộ
42	Đ. 227 k4	Tội đưa hối lộ, tội môi giới hối lộ
43		Chương XI: Các tội xâm phạm nghĩa vụ, trách nhiệm của quân nhân
44	Đ. 250 k3	Tội chống mệnh lệnh
45	Đ. 256 k3	Tội đầu hàng địch
46	Đ. 258 k2	Tội bỏ vị trí chiến đấu
47	Đ. 269 k2	Tội hủy hoại vũ khí, phương tiện kỹ thuật quân sự
48		Chương XII: Các tội phá hoại hòa bình, chống loài người và tội phạm chiến tranh
49	Đ. 277	Tội phá hoại hòa bình, gây chiến tranh xâm lược
50	Đ. 278	Tội chống loài người
51	Đ. 279	Tội phạm chiến tranh
52	Đ. 280	Tội tuyên mộ lính đánh thuê, tội làm lính đánh thuê

Phụ lục 2:

**DANH MỤC CÁC ĐIỀU KHOẢN
QUY ĐỊNH HÌNH PHẠT TỬ HÌNH TRONG BLHS NĂM 1999**

STT	Điều, khoản	Tên tội danh
		Chương XI: Các tội xâm phạm an ninh quốc gia
1	Đ. 78 k1	Tội phân biệt tôn giáo
2	Đ. 79 k1	Tội hoạt động nhằm lật đổ chính quyền nhân dân
3	Đ. 80 k1	Tội gián điệp
4	Đ. 82 k1	Tội bạo loạn
5	Đ. 83 k1	Tội hoạt động phi
6	Đ. 84 k1	Tội khủng bố
7	Đ. 85 k1	Tội phá hoại cơ sở vật chất của Nhà nước CHXHCN Việt Nam

		Chương XII: Các tội xâm phạm tính mạng, sức khỏe, nhân phẩm, danh dự của con người
8	Đ. 93 k1	Tội giết người
9	Đ. 111 k3	Tội hiếp dâm
10	Đ. 112 k3,4	Tội hiếp dâm trẻ em
		Chương XIV: Các tội xâm phạm sở hữu
11	Đ. 133 k4	Tội cướp tài sản
12	Đ. 139 k4	Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản
		Chương XVI: Các tội phạm về kinh tế
13	Đ. 153 k4	Tội buôn lậu
14	Đ. 157 k4	Tội làm hàng giả, tội buôn bán hàng giả là lương thực, thực phẩm, thuốc chữa bệnh, thuốc phòng bệnh
15	Đ. 180 k3	Tội làm, tàng trữ, vận chuyển, lưu hành tiền giả, ngân phiếu giả, công trái giả
		Chương XVIII: Các tội phạm về ma túy
16	Đ. 193 k4	Tội sản xuất trái phép chất ma túy
17	Đ. 194 k4	Tội tàng trữ, vận chuyển, mua bán trái phép chất ma túy hoặc chiếm đoạt trái phép chất ma túy
18	Đ. 197 k4	Tội tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy
		Chương XIX: Các tội xâm phạm an toàn công cộng, trật tự công cộng
19	Đ. 221 k3	Tội chiếm đoạt máy bay, tàu thủy
20	Đ. 231 k2	Tội phá hủy công trình, phương tiện quan trọng về an ninh quốc gia
		Chương XXI: Các tội phạm về chức vụ
21	Đ. 278 k4	Tội tham ô tài sản
22	Đ. 279 k4	Tội nhận hối lộ
23	Đ. 289 k4	Tội đưa hối lộ
		Chương XXIII: Các tội xâm phạm nghĩa vụ, trách nhiệm của quân nhân
24	Đ. 316 k4	Tội chống mệnh lệnh
25	Đ. 322 k3	Tội đầu hàng địch
26	Đ. 334 k4	Tội hủy hoại vũ khí quân dụng, phương tiện kỹ thuật quân sự
		Chương XXIV: Các tội phá hoại hòa bình, chống loài người và tội phạm chiến tranh
27	Đ. 341	Tội phá hoại hòa bình, gây chiến tranh xâm lược
28	Đ. 342	Tội chống loài người
29	Đ. 343	Tội phạm chiến tranh

Phụ lục 3:

**DANH MỤC CÁC ĐIỀU KHOẢN
QUY ĐỊNH HÌNH PHẠT TỬ HÌNH TRONG BLHS NĂM 1999
(đã được sửa đổi, bổ sung năm 2009)**

STT	Điều, khoản	Tên tội danh
		Chương XI: Các tội xâm phạm an ninh quốc gia
1	Đ. 78 k1	Tội phản bội tổ quốc
2	Đ. 79 k1	Tội hoạt động nhằm lật đổ chính quyền nhân dân
3	Đ. 80 k1	Tội gián điệp
4	Đ. 82 k1	Tội bạo loạn
5	Đ. 83 k1	Tội hoạt động phi
6	Đ. 84 k1	Tội khủng bố nhằm chống chính quyền nhân dân
7	Đ. 85 k1	Tội phá hoại cơ sở vật chất của Nhà nước CHXHCN Việt Nam
		Chương XII: Các tội xâm phạm tính mạng, sức khỏe, nhân phẩm, danh dự của con người
8	Đ. 93 k1	Tội giết người

9	Đ. 112 k3,4	Tội hiếp dâm trẻ em
		Chương XIV: Các tội xâm phạm sở hữu
10	Đ. 133 k4	Tội cướp tài sản
		Chương XVI: Các tội phạm về kinh tế
11	Đ. 157 k4	Tội làm hàng giả, tội buôn bán hàng giả là lương thực, thực phẩm, thuốc chữa bệnh, thuốc phòng bệnh
		Chương XVIII: Các tội phạm về ma túy
12	Đ. 193 k4	Tội sản xuất trái phép chất ma túy
13	Đ. 194 k4	Tội tàng trữ, vận chuyển, mua bán trái phép chất ma túy hoặc chiếm đoạt trái phép chất ma túy
		Chương XIX: Các tội xâm phạm an toàn công cộng, trật tự công cộng
14	Đ. 231 k2	Tội phá hủy công trình, phương tiện quan trọng về an ninh quốc gia
15	Đ.230a K2	Tội khủng bố
		Chương XXI: Các tội phạm về chức vụ
16	Đ. 278 k4	Tội tham ô tài sản
17	Đ. 279 k4	Tội nhận hối lộ
		Chương XXIII: Các tội xâm phạm nghĩa vụ, trách nhiệm của quân nhân
18	Đ. 316 k4	Tội chống mệnh lệnh
19	Đ. 322 k3	Tội đầu hàng địch
		Chương XXIV: Các tội phá hoại hòa bình, chống loài người và tội phạm chiến tranh
20	Đ. 341	Tội phá hoại hòa bình, gây chiến tranh xâm lược
21	Đ. 342	Tội chống loài người
22	Đ. 343	Tội phạm chiến tranh

Tài liệu tham khảo

- [1] Bộ Luật hình sự nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam năm 1985.
- [2] Bộ Luật hình sự nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam năm 1999.
- [3] Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ Luật hình sự năm 2009.
- [4] *Tòa án Nhân dân Tối cao*, Số liệu thống kê năm 1993-2000.
- [5] *Tòa án Nhân dân Tối cao*, Số liệu thống kê năm 2001-2010.

Death penalty in criminal Law of Vietnam and some recommendations completed

Trinh Quoc Toan

VNU School of Law, 144 Xuan Thuy, Hanoi, Vietnam

Based on the studying of general awareness of the death penalty in the academics analysis of the provisions on capital punishment from criminal law codification the first Vietnam (1985) up to date, as well as evaluating the practical application of the death penalty, the author give some recommendations to improve capital punishment provisions in the criminal law of Vietnam.